ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124 /BC-UBND	*Quảng Trị, ngày 09 tháng 7 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 3

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021; Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2021; Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2021; Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về phân bổ NSĐP năm 2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021 cho các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021 cho các huyện, thành phố, thị xã; Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ[1], Kết luận số 05-KL/TU ngày 03/12/2020 của Tỉnh ủy[2] và Nghị quyết số 83/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh[3];

Căn cứ kết quả đạt được, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN, CHI NSĐP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Kết quả thực hiện dự toán thu NSNN 6 tháng đầu năm 2021:

a) Tổng thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 30/6/2021 đạt: 2.646,252 tỷ đồng/DT 3.450 tỷ đồng, đạt 76,7% dự toán địa phương và 92,5% dự toán Trung ương, bằng 172,9% cùng kỳ năm 2020; Trong đó:

- Thu nội địa: 1.801,164 tỷ đồng/DT 2.970 tỷ đồng, đạt 60,6% dự toán địa phương và 75,6% dự toán Trung ương, bằng 134% cùng kỳ năm 2020; Trong đó:

+ Ngân sách địa phương hưởng: 1.613,08 tỷ đồng, đạt 63% dự toán địa phương và 79,8% dự toán Trung ương, bằng 135,5 % cùng kỳ năm 2020. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì thu ngân sách địa phương đưa vào

[1] Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2021
[2] Kết luận Hội nghị lần thứ hai BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVII số 05-KL/TU ngày 03/12/2020
[3] Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

cân đối là 967,067 tỷ đồng/DT 1.600,7 tỷ đồng, đạt 60,4% dự toán địa phương và 65,2% dự toán Trung ương, bằng 142% cùng kỳ năm 2020.

+ Ngân sách cấp tỉnh hưởng: 793,964 tỷ đồng/DT 1.605,09 tỷ đồng, đạt 49,5% dự toán địa phương. Loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các khoản cấp lại, thu nội địa ngân sách cấp tỉnh hưởng: 547,671 tỷ đồng/DT 1.041,09 tỷ đồng, đạt 52,6% dự toán địa phương.

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu: 838,227 tỷ đồng/DT 480 tỷ đồng, đạt 174,6% dự toán địa phương và 174,6% dự toán Trung ương, bằng 550% so với cùng kỳ 2020.

b) Đánh giá nhiệm vụ thu NSNN 6 tháng đầu năm 2021:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, các ngành, địa phương tích cực tập trung triển khai thực hiện công tác thu NSNN ngay từ những ngày đầu năm; thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, động viên và phát triển nguồn thu, tăng thu ngân sách; tăng cường cải cách hành chính, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ chính sách pháp luật về thuế, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư; tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

Các Sở, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý thu trong công tác thu ngân sách; giải quyết kịp thời những vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; tham mưu đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, triển khai tốt hoạt động đấu giá đất, giao đất, cho thuê đất và thu kịp thời các khoản thu từ đất vào NSNN. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát tốt nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ít bị ảnh hưởng so với cùng kỳ năm 2020.

Tổng thu NSNN trên địa bàn 06 tháng đầu năm đạt và vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao, tăng khá cao so với cùng kỳ năm 2020; Trong đó: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vượt kế hoạch cả năm 2021 đề ra[4]; thu nội địa 6 tháng đầu năm nhìn chung đảm bảo tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao. Bên cạnh đó, vẫn còn một số khoản thu không đạt tiến độ dự toán[5]. Một số khoản thu đạt tiến độ, tăng cao so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên yếu tố tăng thu ngân sách không bền vững[6]. Nhìn chung, nguồn thu nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh còn hạn chế, do năng lực nội tại, quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, sức cạnh tranh và nguồn lực đầu tư vào tỉnh còn thấp; khu vực ngoài quốc doanh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ.

**** Kết quả một số khoản thu trong cơ cấu thu nội địa như sau:***

- Thu từ khu vực DNNN Trung ương: 100,393 tỷ đồng/KH 190 tỷ đồng, đạt 53% dự toán địa phương, bằng 161% so với cùng kỳ 2020[7].

- Thu từ khu vực DNNN địa phương: 16,18 tỷ đồng/KH 85 tỷ đồng, đạt 19% dự toán địa phương, bằng 47% so với cùng kỳ 2020[8].

---

[4] Chủ yếu thu từ nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho các dự án Điện gió trên địa bàn.

[5] Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương, thuế bảo vệ môi trường, ...

[6] Do chuyển từ quản lý từ DN từ khu vực này sang khu vực khác; tăng có tính đột biến

[7] Do 2 đơn vị là CN Ngân hàng ngoại thương Quảng Trị và CN Công ty xây lắp Thành An 96 tại Quảng Trị chuyển hạch toán loại hình DN từ DNNN ĐP sang DNNN TW (nộp NS 6 tháng 2021 là 4 tỷ đồng); số nộp NS của Công ty MDF tăng đột biến, 6 tháng đầu 2021 nộp 32,2 tỷ đồng, tăng 19 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 406,045 tỷ đồng/KH 742 tỷ đồng, đạt 54,7%, bằng 138,4% so với cùng kỳ 2020. Kết quả đạt được do: Công ty Thương mại Quảng Trị cổ phần hóa, chuyển từ DNNN địa phương sang doanh nghiệp ngoài quốc doanh [9]; Thu vãng lai XDCB 2% thuế GTGT các đơn vị thầu xây dựng các công trình điện gió[10]; số nộp ngân sách của Công ty cổ phần Bia Hà Nội-Quảng Trị tăng cao so với cùng kỳ năm 2020[11]. Ngoài ra, một số dự án điện gió, điện mặt trời hoàn thành và chủ đầu tư thành lập DN kê khai nộp thuế độc lập tại Quảng Trị[12].

- Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: 30,657 tỷ đồng/KH 32,8 tỷ đồng, đạt 93,5% dự toán địa phương, bằng 197% so với cùng kỳ 2020. Số thu 6 tháng tăng cao do sự phân bổ nộp thuế TNDN cho ngân sách tỉnh Quảng Trị của Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam[13]; số nộp ngân sách tăng so với cùng kỳ 2020 của Công ty Jinquan Việt Nam và Công ty Shaiyo AA Quảng Trị[14].

- Thuế bảo vệ môi trường: 224,842 tỷ đồng/KH 500 tỷ đồng, đạt 45% dự toán địa phương, bằng 122% so với cùng kỳ 2020.

- Lệ phí trước bạ: 118,096 tỷ đồng/KH 150 tỷ đồng, đạt 78,7% dự toán địa phương, bằng 158,8% so với cùng kỳ 2020. Số tăng chủ yếu thu trước bạ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản và nhu cầu mua sắm ô tô tăng[15].

- Thuế thu nhập cá nhân: 98,214 tỷ đồng/KH 90 tỷ đồng, đạt 109% dự toán địa phương, bằng 150% so với cùng kỳ 2020. Khoản thu này có tiến độ thu tốt, đạt cao so với dự toán và tăng cao so với cùng kỳ. Chủ yếu tăng thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản[16]; số thu từ trúng thưởng và chuyển nhượng chứng khoán tăng đột biến; sự thay đổi thời gian khai thuế từ khai quý sang tháng và thay đổi cách chi trả tiền thưởng.

- Thu phí, lệ phí: 42,656 tỷ đồng/KH 72,6 tỷ đồng, đạt 59% dự toán địa phương, bằng 122,5% so với cùng kỳ 2020.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 35,72 tỷ đồng/KH 23 tỷ đồng, đạt 155% dự toán địa phương.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 22,296 tỷ đồng/KH 40 tỷ đồng, đạt 56% dự toán địa phương, bằng 117% so với cùng kỳ 2020.

- Thu tiền sử dụng đất: 623,717 tỷ đồng/KH 920 tỷ đồng, đạt 67,8% dự toán địa phương, bằng 127% so với cùng kỳ 2020. Từ đầu năm đến nay, các đợt đấu giá quyền sử dụng đất có kết quả đấu giá tốt, số nộp ngân sách đạt cao.

- Thu khác ngân sách: 57,739 tỷ đồng/KH 92 tỷ đồng, đạt 63% dự toán địa phương, bằng 123% so với cùng kỳ 2020.

---

[8] Do 3 đơn vị chuyển sang khu vực khác, trong đó 2 đơn vị chuyển sang DNNN TW (đã nêu trên) và Công ty cổ phần Thương mại Quảng Trị cổ phần hóa (là đơn vị có số nộp hàng năm chiếm tỷ trọng cao trong khu vực DNNN địa phương) chuyển sang khu vực ngoài quốc doanh

[9] Số nộp 6 tháng đầu 2021 là 22,1 tỷ đồng

[10] Thu vãng lai XDCB 2% thuế GTGT XDCB công trình điện gió trên 21,2 tỷ đồng

[11] 6 tháng 2021 Công ty CP Bia Hà Nội Quảng Trị nộp 70,85 tỷ đồng, tăng 34,96 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

[12] DN kê khai nộp thuế GTGT (10%) cao hơn so so với thuế GTGT trước đây (thuế vãng lai 2%).

[13] 6 tháng đầu năm 2021 nộp 9,7 tỷ đồng, tăng 4,2 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

[14] nộp 3,2 tỷ đồng, tăng 3,1 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

[15] Số thu trước bạ ô tô 6 tháng 2021 thu được 83,6 tỷ đồng, tăng 26,2 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

[16] Số thu từ chuyển nhượng BĐS 6 tháng đầu năm là 39,8 tỷ đồng, tăng 19,6 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020

- ...

2. Kết quả thực hiện dự toán chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021:

a) Tổng chi ngân sách địa phương đến ngày 30/6/2021 là: 3.843,523 tỷ đồng/DT 9.161,970 tỷ đồng, đạt 42% dự toán địa phương và 45% dự toán Trung ương, bằng 95% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó:

* Chi cân đối ngân sách: 2.616,051 tỷ đồng đạt 40% dự toán địa phương và 43% dự toán Trung ương, bằng 91% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi đầu tư phát triển: 356,158 tỷ đồng/DT 1.400,71 tỷ đồng, đạt 25% dự toán địa phương và 34% dự toán Trung ương và bằng 82% cùng kỳ năm trước.

- Chi thường xuyên: 2.259,365 tỷ đồng/DT 4.874,521 tỷ đồng, đạt 46% so với dự toán địa phương và 46% dự toán Trung ương, bằng 92% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt 45% dự toán; sự nghiệp khoa học công nghệ đạt 55% dự toán; sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 38% dự toán địa phương.

* Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ ngân sách Trung ương hỗ trợ cân đối có mục tiêu cho ngân sách địa phương: 475,061 tỷ đồng/ DT 2.488,766 tỷ đồng đạt 19% dự toán địa phương và 19% dự toán Trung ương, bằng 80% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thực hiện đạt thấp, nguyên nhân chủ yếu do tình hình chậm giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển chi thực hiện các dự án, nhiệm vụ; trong đó giải ngân nguồn vốn nước ngoài rất thấp do các dự án chưa giải ngân, hoặc đã giải ngân nhưng chưa thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách.

b) Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2021:

Đã sử dụng để giải quyết kịp thời các nhiệm vụ phát sinh ngoài dự toán, chi phòng chống dịch bệnh: 57.026 triệu đồng đồng; bằng 47% dự toán HĐND tỉnh giao (Trong đó, bố trí cho kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19, dịch bệnh khác: 34.295,4 triệu đồng).

c) Đánh giá nhiệm vụ chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021:

UBND tỉnh tập trung chỉ đạo điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Nhìn chung, các nhiệm vụ chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 được đảm bảo theo dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách; đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ cấp bách và một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ngoài dự toán; đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội. Đối với công tác giải ngân vốn đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/3/2021 về việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công công năm 2021. Tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn được giao trong kế hoạch năm 2021 của tỉnh còn thấp, đặc biệt tỷ lệ giải ngân nguồn vốn của các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trên địa bàn rất thấp[17].

[17] Tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công tỉnh quản lý đến ngày 20/6/2021 là 681,757 tỷ đồng, đạt 25% KH vốn phân bổ (Vốn cân đối NSĐP: 253,274 tỷ đồng, đạt 19,7% KH vốn phân bổ; Nguồn vốn TW hỗ trợ: 428,483 tỷ đồng, đạt 29,8% KH vốn phân bổ; vốn ODA chỉ đạt 11% KH vốn phân bổ)

Tổ chức quản lý và điều hành chi NSNN đảm bảo bám sát dự toán được giao, theo tiến độ thu ngân sách; trong đó tập trung chi cho con người, an sinh xã hội, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán, tiết kiệm các khoản chi ngân sách; chủ động dành nguồn cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo các chế độ thực hiện nhiệm vụ chi theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch Covid-19 trong 5 ngày Tết Nguyên đán năm Tân Sửu 2021[18]; huy động các nguồn lực đảm bảo kinh phí cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và hỗ trợ các huyện, thành phố kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp tỉnh Quảng Trị nhiệm kỳ 2021-2026[19]; phân bổ kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả mưa lũ năm 2020[20] cho các đơn vị, địa phương thực hiện khôi phục khẩn cấp thiệt hại do thiên tai trong sản xuất nông nghiệp, khắc phục cấp bách cơ sở hạ tầng thiết yếu bị hư hỏng nặng do bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất theo quy định; ban hành Công văn số 2382/UBND-TM ngày 11/6/2021 về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp điều hành NSNN 6 tháng cuối năm 2021 và tiết kiệm chi thường xuyên theo Ngị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ[21].

Chỉ đạo các Sở, ngành thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo, điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, phù hợp với khả năng thu ngân sách tỉnh; chỉ xem xét bổ sung kinh phí cho các đơn vị có nhu cầu chi thật cấp thiết, thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được tỉnh giao; không tham mưu ban hành các chính sách, chế độ, đề án làm tăng chi ngân sách khi chưa có nguồn đảm bảo.

Quản lý, sử dụng dự phòng NSĐP theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, dự báo sẽ còn nhiều yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế và thu, chi NSNN trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng cuối năm 2021. Với quyết tâm tập trung phòng, chống dịch hiệu quả và quyết tâm hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2021, trong đó phấn đấu thu ngân sách cả năm 2021 đạt: **4.500 tỷ đồng,** UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2021 như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách trong những tháng cuối năm 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế

---

[18] Tổng kinh phí bổ sung cho các đơn vị, địa phương: 43,862 tỷ đồng
[19] Tổng kinh phí bầu cử đại biểu QH khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp: 20,664 tỷ đồng
[20] Số 385/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (42,684 tỷ đồng); số 804/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 (64,150 tỷ đồng);
[21] Tổng số tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ toàn tỉnh khoảng 27,642 tỷ đồng (Trong đó: khối tỉnh là 12,775 tỷ đồng; khối huyện: 14,867 tỷ đồng)

hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021; Kết luận Hội nghị lần thứ hai BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVII, số 05-KL/TU ngày 03/12/2020 và Nghị quyết số 83/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Công văn số 2382/UBND-TM ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp điều hành NSNN 6 tháng cuối năm 2021 và tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ.

2. Xây dựng phương án để kịp thời triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần[22] theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ.

4. Triển khai cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ[23].

5. Nhiệm vụ thu, chi NSNN:

5.1. Nhiệm vụ thu NSNN:

a) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải Quan tỉnh:

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, phân tích, đánh giá và dự báo những tác động ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn để kịp thời có các biện pháp quản lý thuế, thu ngân sách hiệu quả. Chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành chủ động, thường xuyên nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nắm chắc nguồn thu trên từng địa bàn, từng khu vực, từng sắc thuế; rà soát, xác định các nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, các khoản thuế còn thất thu, chủ động đề ra các giải pháp và tập trung chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên, phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2021 được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

- Tập trung tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để hỗ trợ giúp doanh nghiệp và Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các giải pháp, chính sách của Chính phủ, Bộ Tài chính về hỗ trợ người nộp

---

[22] Nhiệm vụ UBND tỉnh tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 V/v ban hành Chương trình hành động tực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; Kết luận số 05-KL/TU ngày 03/12/2020 của Tỉnh ủy và Nghị Quyết số 83/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh

[23] Nghị định 60/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/8/2021 và thay thế các Nghị định: số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL; số 54/2016/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; số 141/2016/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; số 85/2012/NĐ-CP về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm; phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị; …

thuế vượt qua khó khăn, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng, tạo nguồn thu cho NSNN.

b) Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tích cực phối hợp với cơ quan Thuế, Hải quan trong việc tổ chức triển khai thực có hiện hiệu quả công tác thu ngân sách, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế. Thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác quản lý thu ngân sách; phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế, pháp luật về kinh doanh, chống thất thu ngân sách.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao đất, đấu giá đất để khai thác các nguồn thu về đất kịp thời nộp vào ngân sách năm 2021.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố bám sát dự toán thu NSNN năm 2021 được cấp có thẩm quyền giao, chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn phối hợp chặt chẽ với Chi cục Thuế thực hiện các giải pháp quản lý thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành đạt, vượt dự toán thu NSĐP để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo dự toán đã được HĐND các cấp phê chuẩn.

5.2. Nhiệm vụ chi NSNN:

a) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư khẩn trương, nghiêm túc triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư công theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/3/2021, Công văn số 1733/UBND-CN ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh; kịp thời tham mưu điều chuyển vốn đầu tư công theo quy định để sử dụng hiệu quả nguồn vốn.

b) Các đơn vị dự toán khối tỉnh tăng cường quản lý, chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả các khoản chi thường xuyên; chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách; cân đối, bố trí nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao trong dự toán ngân sách năm 2021 tại Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2021 của các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh để xử lý các nhiệm vụ phát sinh tại đơn vị (trừ các nhiệm vụ phát sinh có chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh); không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề án, chương trình, kế hoạch, ban hành chính sách mới làm tăng chi ngân sách khi chưa cân đối, bố trí được nguồn lực.

c) Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh quản lý, điều hành tài chính - ngân sách chủ động, linh hoạt, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán được giao, quản lý chặt chẽ, hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách, dành nguồn để chi cho công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; kinh phí thực hiện các chính sách, nhiệm vụ của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các chính sách an sinh xã hội.

- Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện phân cấp, định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2017-2020, kéo dài sang năm 2021 và đề xuất phương án phân cấp, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2022-2025.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp các nguồn lực đảm bảo cho công tác phòng, chống dịch bệnh và thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ[24]; Tổng hợp nhu cầu phòng chống dịch và thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí.

d) UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo cơ quan Tài chính tham mưu, điều hành đảm bảo cân đối NSĐP; chủ động sắp xếp, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, ưu tiên dành nguồn phục vụ nhiệm vụ phòng, chống dịch, các chế độ, chính sách liên quan đến con người, đảm bảo an sinh xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đột xuất khác; trong đó:

- Chủ động sử dụng ngân sách địa phương (bao gồm nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định), sử dụng nguồn ngân sách tỉnh bổ sung (nếu có) để thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành và an sinh xã hội; không để phát sinh tình trạng chậm, nợ chế độ, chính sách trên địa bàn.

- Trường hợp thu NSĐP năm 2021 có biến động so với dự toán được giao; các huyện, thị xã, thành phố phải chủ động xây dựng phương án điều hành để đảm bảo cân đối NSĐP.

Trên đây là báo cáo tình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2021, UBND tỉnh kính báo cáo tại kỳ họp thứ 3, HĐND tỉnh khóa VIII./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

[24] 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) và 70% quỹ dự trữ tài chính địa phương, nguồn cải cách tiền lương còn dư

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021
TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2021 và nhiệm vụ giải pháp 6 tháng cuối năm 2021)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán TW 2021	Dự toán ĐP 2021	TH 6T 2021	S.sánh (%) TH /DTĐP	S.sánh (%) TH /DTTW	S.sánh (%) cùng kỳ
	Tổng thu NS trên địa bàn	**2.861.100**	**3.450.000**	**2.646.252**	**76,7%**	**92,5%**	**172,9%**
I	**Thu nội địa**	**2.381.100**	**2.970.000**	**1.801.164**	**60,6%**	**75,6%**	**134,2%**
	Trong đó: - NSĐP hưởng	*2.022.560*	*2.560.700*	1.613.080	*63,0%*	*79,8%*	*135,5%*
	- NS tỉnh hưởng		*1.605.090*	793.964	*49,5%*		*115,1%*
1	Thu từ DNNN TW	180.000	190.000	100.393	52,8%	55,8%	160,9%
2	Thu DNNN địa phương	80.000	85.000	16.180	19,0%	20,2%	46,8%
3	Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	27.900	32.800	30.657	93,5%	109,9%	196,6%
4	Thu ngoài quốc doanh	675.000	742.000	406.045	54,7%	60,2%	138,4%
5	Lệ phí trước bạ	150.000	150.000	118.096	78,7%	78,7%	158,8%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			11			10,0%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	5.000	2.942	58,8%	58,8%	174,9%
8	Thuế thu nhập cá nhân	90.000	90.000	98.214	109,1%	109,1%	149,6%
9	Thuế bảo vệ môi trường	420.000	500.000	224.842	45,0%	53,5%	121,8%
10	Thu phí và lệ phí	72.600	72.600	42.656	58,8%	58,8%	122,5%
11	Thu tiền sử dụng đất	500.000	920.000	623.717	67,8%	124,7%	127,0%
	Trong đó: Thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Luật Quản lý, sử dụng TS công			*7.240*			
12	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	23.000	23.000	35.720	155,3%	155,3%	410,6%
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100	100	293	293,0%	293,0%	315,1%
14	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	15.000	15.000	10.335	68,9%	68,9%	154,7%
15	Thu từ hoạt động XSKT	40.000	40.000	22.296	55,7%	55,7%	117,1%

16	Thu khác ngân sách	90.000	92.000	57.739	62,8%	64,2%	122,8 %
17	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích tại xã	7.000	7.000	5.320	76,0%	76,0%	221,3 %
18	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	5.500	5.500	5.708	103,8%	103,8 %	1621,6 %
II	**Thu từ hoạt động XNK**	**480.000**	**480.000**	**838.227**	**174,6%**	**174,6 %**	**550,1 %**
III	**Thu đóng góp**			**6.861**			

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

B. Phần chi *ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán Trung ương giao	Dự toán địa phương giao	Thực hiện 6 tháng	So sánh ước TH/DTĐP	So sánh ước TH/DT TW	So sánh cùng kỳ
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
	TỔNG CHI NSĐP	**8.565.053**	**9.161.970**	**3.843.523**	**42%**	**45%**	**95%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**6.076.287**	**6.552.416**	**2.616.051**	**40%**	**43%**	**91%**
I	Chi đầu tư phát triển	1.043.710	1.400.710	356.158	25%	34%	82%
II	Chi thường xuyên	4.908.103	4.874.521	2.259.365	46%	46%	92%
	Trong đó:						
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	*2.164.228*	*2.222.479*	*992.411*	*45%*	*46%*	*105 %*
2	*Chi khoa học và công nghệ*	*19.204*	*21.839*	*12.085*	*55%*	*63%*	*108 %*
3	*Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường*	*55.778*	*68.206*	*26.189*	*38%*	*47%*	*113 %*
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.100	4.100	528	13%	13%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		0%	0%	
V	Dự phòng ngân sách	119.374	190.964		0%	0%	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		81.121		0%		
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**2.488.766**	**2.488.766**	**475.061**	**19%**	**19%**	**80%**
1	**Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu nhiệm vụ**	**2.176.705**	**2.176.705**	**412.602**	**19%**	**19%**	**115 %**
1.1	*Vốn nước ngoài*	*1.113.852*	*1.113.852*	*2.758*	*0%*	*0%*	
1.2	*Vốn trong nước*	*1.062.853*	*1.062.853*	*409.844*	*39%*	*39%*	
2	**Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ chính sách theo quy định và một số CTMT**	**312.061**	**3 12.061**	**62.459**	**20%**	**20%**	
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TỈNH CHO NS HUYỆN**		**120.788**	**120.788**	**100%**		
D	**CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**			**10.930**			

Ghi chú: Trong tổng chi NSĐP quản lý bao gồm chi chuyển nguồn XDCB ngân sách tỉnh, huyện: 620.693 triệu đồng